

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi bền vững lâu dài tại các xã có vùng nguyên liệu mía được đầu tư bởi Công ty TNHH Công Nghiệp KCP Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty TNHH Công Nghiệp KCP Việt Nam ”

---***---

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP KCP VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ hoạt động của công ty;
- Căn cứ Chính sách trách nhiệm xã hội của Công ty số 02/2025/QĐ-ADM ngày 10/07/2025;
- Căn cứ Phê duyệt nội bộ ngày 09/08/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Hỗ trợ kinh phí cho các xã có diện tích mía được đầu tư bởi Công ty TNHH Công Nghiệp KCP Việt Nam để xây dựng các công trình phúc lợi bền vững lâu dài như sau:

- Trường học công lập/trường mầm non cho mục đích giáo dục (không bao gồm chi phí đất đai, vật tư, thiết bị dạy học, tài sản di động, vv...)
 - Trạm y tế (không bao gồm chi phí đất đai, vật tư, thiết bị y tế khám chữa bệnh, tài sản di động, vv...)
 - Hệ thống nước sạch công cộng (không bao gồm chi phí đất đai)
 - Nhà văn hóa cộng đồng (không bao gồm chi phí đất đai và nội thất)
- **Đối tượng nhận kinh phí hỗ trợ:** Các Xã có diện tích mía được đầu tư bởi Công ty KCP theo danh sách bên dưới.
 - **Mức hỗ trợ:** 1.750 VNĐ/tấn mía nhập về tại các nhà máy của Công ty KCP.
 - **Thời gian tính kinh phí hỗ trợ:** Tổng khối lượng mía cung cấp cho Công ty KCP từ vụ ép 2010-2011 đến hết vụ ép 2024-2025.
 - **Nguồn hỗ trợ:** Từ nguồn ngân sách trách nhiệm xã hội của Công ty KCP
 - **Hình thức chi trả hỗ trợ:** Chuyển khoản vào tài khoản của UBND các Xã mở tại các Chi nhánh kho bạc nhà nước hoặc tại các Ngân hàng địa phương.
 - Danh sách các Xã được nhận hỗ trợ và Mức hỗ trợ như sau:

STT	Danh sách xã hiện tại	Danh sách xã trước sáp nhập	Số lượng mía cung cấp (tấn)	Mức hỗ trợ (VNĐ)	Ghi chú
1.	Sơn Hòa	Cung Sơn	468.929	820.626.378	
		Suối Bạc	872.298	1.526.521.376	

STT	Danh sách xã hiện tại	Danh sách xã trước sáp nhập	Số lượng mía cung cấp (tấn)	Mức hỗ trợ (VND)	Ghi chú
		Sơn Nguyên	1.521.651	2.662.889.810	
		Sơn Phước	1.545.448	2.704.534.170	
		Sơn Hà	1.246.586	2.181.524.723	
Tổng cộng			5.654.912	9.896.096.457	
2.	Vân Hòa	Sơn Định	271.669	475.420.677	
		Sơn Long	242.788	424.879.348	
		Sơn Xuân	651.017	1.139.279.906	
Tổng cộng			1.165.474	2.039.579.931	
3.	Tây Sơn	Cà Lúi	335.002	586.253.612	
		Sơn Hội	845.502	1.479.628.236	
		Phước Tân	251.258	439.701.159	
Tổng cộng			1.431.762	2.505.583.007	
4.	Suối Trai	Eachang	1.107.829	1.938.700.370	
		Krong pa	441.767	773.092.311	
		Suối Trai	447.865	783.763.043	
Tổng cộng			1.997.460	3.495.555.725	
5.	Phú Hòa 1	TT Phú Hòa	2.051	3.589.087	
		Hòa Định Tây	1.489	2.605.013	
		Hòa Hội	493.028	862.798.300	
Tổng cộng			496.567	868.992.401	
6.	Sông Hình	TT Hai Riêng	71.438	125.016.673	
		Ea Bia	17.608	30.813.739	
		ETrol	20.133	35.233.191	
Tổng cộng			109.179	191.063.604	
7.	Đức Bình	Đức Bình Đông	19.690	34.457.584	
		Đức Bình Tây	79.658	139.401.600	
		Sơn Giang	9.441	16.522.620	
Tổng cộng			108.790	190.381.804	
8.	Ea Bá	Ea Bá	48.440	84.769.795	
		Ea Bar	44.278	77.485.970	
Tổng cộng			92.718	162.255.765	
9.	Ea Ly	Ea Lam	44.622	78.088.575	
		Ealy	297.140	519.995.389	
Tổng cộng			341.762	598.083.964	

37

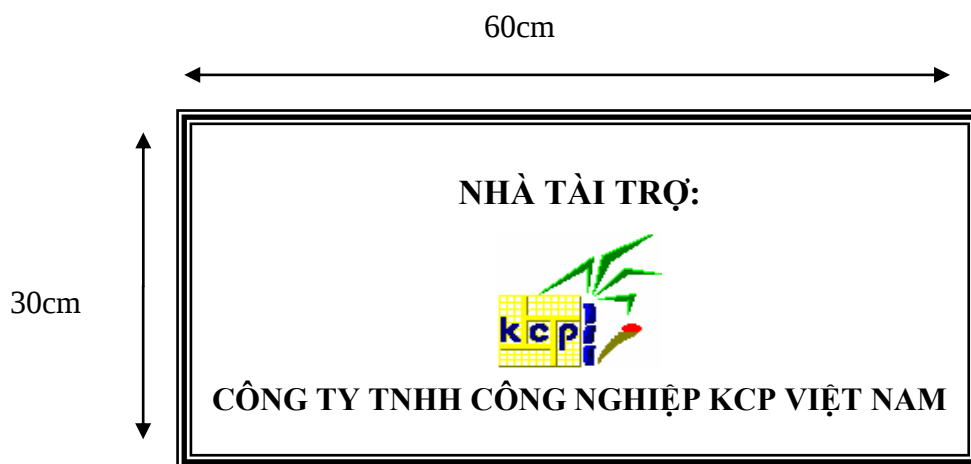
STT	Danh sách xã hiện tại	Danh sách xã trước sáp nhập	Số lượng mía cung cấp (tấn)	Mức hỗ trợ (VND)	Ghi chú
10.	Sơn Thành	Hòa Phú	3.947	6.907.661	
		Sơn Thành Tây	26.504	46.382.590	
Tổng cộng			30.452	53.290.251	
11.	Đồng Xuân	TT La Hai	10.853	18.992.528	
		Xuân Quang – II	91.345	159.853.761	
		Xuân Long	43.352	75.865.766	
		Xuân Sơn Bắc	27.922	48.863.266	
		Xuân Sơn Nam	27.603	48.306.020	
Tổng cộng			201.075	351.881.339	
12.	Xuân Lãnh	Xuân Lãnh - 1	296.137	518.240.408	
		Đa Lộc	170.281	297.991.549	
Tổng cộng			466.418	816.231.957	
13.	Xuân Phước	Xuân Phước	653.255	1.143.195.779	
		Xuân Quang-III	62.639	109.618.630	
Tổng cộng			715.894	1.252.814.409	
14.	Phú Mỹ	Xuân Quang – I	130.063	227.610.114	
		Phú Mỹ	2.347	4.107.744	
Tổng cộng			132.410	231.717.857	
15.	Tuy An Tây	An Lĩnh	521.896	913.318.495	
		An Xuân	244.551	427.964.831	
		An Nghiệp	43.419	75.983.203	
Tổng cộng			809.867	1.417.266.529	
16.	Tuy An Bắc	Chí Thạnh	2.525	4.418.085	
		An Dân	6.797	11.894.141	
		An Định	3.113	5.448.604	
Tổng cộng			12.435	21.760.830	
17.	Tuy An Nam	An Thọ	199.128	348.474.487	
Tổng cộng			199.128	348.474.487	
18.	Xuân Thọ	Xuân Thọ 1	13.585	23.773.864	

STT	Danh sách xã hiện tại	Danh sách xã trước sáp nhập	Số lượng mía cung cấp (tấn)	Mức hỗ trợ (VND)	Ghi chú
		Xuân Thọ 2	58.059	101.602.737	
		Xuân Lâm	14.772	25.851.042	
Tổng cộng			86.416	151.227.643	
19	Phú Túc	Đất Bằng	50.650	88.636.639	
		Ia Mlah	93.833	164.207.122	
		Phú Cần	13.849	24.235.762	
		Phú Túc	17.687	30.952.752	
Tổng cộng			176.019	308.032.276	
20	Ia Rsai	Chư Gu	17.434	30.509.680	
		Ia Rsai	1.417	2.479.036	
Tổng cộng			18.851	32.988.716	
TỔNG CỘNG			14.247.588	24.933.278.948	

Điều 2: Thủ tục hỗ trợ

- Ủy ban nhân dân các Xã trong danh sách được phê duyệt như trên gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình đến Công ty KCP để xem xét phê duyệt.
- Hồ sơ đề nghị bao gồm:
 - Văn bản đề nghị
 - Hồ sơ thiết kế bao gồm bản vẽ thiết kế và thuyết minh.
 - Bảng dự toán hạng mục công trình.
- Sau khi nhận được hồ sơ từ Ủy ban nhân dân Xã, KCP sẽ nghiên cứu và có văn bản trả lời để xác nhận hỗ trợ cho công trình hoặc đề nghị cung cấp thêm hồ sơ nếu cần.
- Sau khi nhận được xác nhận từ công ty KCP, công tác thi công dự án có thể triển khai.
- Sau khi hoàn thành toàn bộ công trình, các Xã mời đại diện công ty KCP đến cùng nghiệm thu công trình.
- Kinh phí hỗ trợ sẽ được thanh toán cho các Xã theo giá trị thực tế hoàn thành của công trình nhưng không vượt quá số tiền được duyệt theo quy định tại Điều 1 nêu trên.
- Tổng chi phí trực tiếp chưa bao gồm thuế VAT mới được xem xét để thanh toán.
- Hình thức thanh toán: số tiền sẽ được chuyển khoản ngân hàng sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu thanh toán như sau từ các Xã:
 - Yêu cầu thanh toán

- b) Biên bản nghiệm thu cuối cùng về giá trị khối lượng thực tế đã thi công được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận.
- c) Hình ảnh công trình.
- d) Biên bản đồng kiểm tra với công ty KCP xác nhận việc hoàn tất các hạng mục công việc.
9. Công trình hoàn thành phải gắn cố định bảng tên của nhà tài trợ được làm bằng đá Granít âm vào tường nhà. Thông tin và quy cách của bảng tên nhà tài trợ như sau:
- a) Công trình dự án được hỗ trợ trực tiếp từ Quỹ trách nhiệm xã hội của công ty:



- b) Công trình được hỗ trợ từ Quỹ trách nhiệm xã hội của công ty thông qua Quỹ phúc lợi Tiến sĩ V.L.Dutt-KCP trong phạm vi tỉnh Đắk Lắk.



Điều 3: Quyết định được công bố công khai tại doanh nghiệp, các phòng ban có liên quan và phòng kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

A handwritten signature in blue ink is visible, along with a red circular stamp.

Tổng giám đốc



- Tỉnh ủy Đắk Lắk;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- SCT, SNN&MT, STC tỉnh Đắk Lắk;
- Hội Nông dân tỉnh Đắk Lắk;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk
- Đảng Ủy, UBND của 20 Xã được hỗ trợ như Điều 1;
- P.Nông nghiệp Cty KCP;
- P. Kế toán Cty KCP;
- P. Đối ngoại Cty KCP;
- Lưu: HC